

# KHÔNG GIAN SỐNG VÀ CẢNH QUAN VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở BẢN BÓ (SƠN LA): GIÁ TRỊ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

PHAN THỊ NGỌC

Khoa Nhân học và Tôn giáo học,  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 07/8/2026. Sửa chữa xong 08/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

## Abstract

*This article examines the living space and cultural landscape of the Black Thai (Tai Dam) community in Bo village, Chiang An Ward, Son La Province, from the perspectives of cultural landscape and cultural resources. Drawing on fieldwork conducted in 2025, the study conceptualizes living space not merely as a residential setting but as the product of long-term interactions among the community, natural environment, local knowledge, and sociocultural practices. The findings indicate that the village structure, water sources, stilt houses, production areas, and cultural practices form an interconnected cultural landscape in which tangible and intangible values are continually maintained, adapted, and recreated in response to urbanization and infrastructure development.*

**Keywords:** Cultural landscape, cultural resources, living space, Son La, Thai.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, việc nhận diện và phát huy các nguồn lực nội sinh ngày càng có ý nghĩa đối với các cộng đồng vùng trung du, miền núi phía Bắc, nơi tập trung sự đa dạng về tộc người, tri thức địa phương và các giá trị văn hóa được tích lũy qua nhiều thế hệ. Nếu trước đây văn hóa thường được tiếp cận chủ yếu như đối tượng cần bảo tồn thì các định hướng phát triển gần đây nhấn mạnh yêu cầu kết hợp bảo tồn với phát huy giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng. Từ góc nhìn này, cảnh quan văn hóa không chỉ là tập hợp các dấu tích vật chất của quá khứ mà còn là không gian sống, nơi quan hệ giữa con người, môi trường, sinh kế và văn hóa tiếp tục được duy trì, tái tạo. Đối với người Thái ở Tây Bắc, không gian truyền thống của tộc người được hình thành từ quá trình thích ứng lâu dài với môi trường tự nhiên. Bản làng, nhà cửa, hệ thống nương phai, các hoạt động sinh kế, v.v không tồn tại như những thành tố riêng biệt mà gắn kết với tổ chức xã hội, tri thức địa phương và thực hành văn hóa (Nguyễn Ngọc Thanh, 2020; Cẩm Trọng, 1978). Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và chuyển dịch kinh tế thị trường đang làm thay đổi các hình thái, chức năng, ý nghĩa của nhiều thành tố trong không gian sống. Những biến đổi này vừa tạo cơ hội mới để cộng đồng phát huy giá trị văn hóa, vừa đặt ra nguy cơ làm suy giảm tính liên tục của cảnh quan và các tri thức, thực hành gắn với nó. Các nghiên cứu về người Thái ở Việt Nam đã cung cấp nhiều tư liệu quan trọng về kiến trúc nhà ở, tổ chức bản làng, tri thức địa phương, du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa (Lâm Minh Châu, 2007); (Tuan, Yi-Fu., 1977); Nguyễn Khắc Tụng, 1994); và có xu hướng tập trung vào từng thành tố riêng lẻ, trong khi còn thiếu những nghiên cứu xem xét không gian sống như một chỉnh thể, nơi các yếu tố tự nhiên và thực hành văn hóa tương tác với nhau để tạo nên hệ thống giá trị có khả năng chuyển hóa thành nguồn lực phát triển. Khoảng trống này trở nên có ý nghĩa trong bối cảnh các địa phương đang hướng tới mô hình phát triển dựa trên bản sắc văn hóa và nguồn lực nội sinh của cộng đồng.

(\*) Lời cảm ơn: Bài viết là sản phẩm đề tài: “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn vùng Trung du và miền núi phía Bắc phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới” (Mã: KX03.17/21-30).

Email: ngocphan@vnu.edu.vn

Bản Bó, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La, là một trường hợp phù hợp để xem xét vấn đề này. Đây là một bản Thái Đen có lịch sử cư trú lâu đời, vẫn duy trì nhiều thành tố của không gian sống truyền thống, đồng thời chịu tác động ngày càng rõ của đô thị hóa, chuyển đổi sinh kế, du lịch. Trên cơ sở tài liệu điền dã, bài viết đặt ra câu hỏi: Không gian sống của người Thái Đen bản Bó được kiến tạo và biến đổi như thế nào, những giá trị tích hợp trong không gian ấy được chuyển hóa thành nguồn lực phát triển ra sao? Bài viết lập luận rằng không gian sống của người Thái nơi đây là một chỉnh thể, các giá trị văn hóa không nằm ở từng thành tố riêng lẻ mà ở mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, môi trường và tri thức địa phương, v.v. Chính khả năng tiếp tục sống, điều chỉnh và tái tạo các tầng quan hệ đó tạo điều kiện để giá trị văn hóa trở thành nguồn lực cho phát triển.

## 2. Phương pháp, địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính với cách tiếp cận điền dã dân tộc học. Điền dã được tiến hành trong tháng 7/2025<sup>1</sup>, tập trung quan sát các không gian sống như nhà sàn, mớ nước, khu sản xuất, nghĩa địa, các cụm dân cư, v.v. Nghiên cứu thực hiện 15 cuộc phỏng vấn sâu với trưởng bản, cán bộ địa phương và đại diện hộ gia đình. Nội dung phỏng vấn tập trung vào lịch sử hình thành bản, lựa chọn không gian cư trú, tri thức về địa hình, nguồn nước, sinh kế, biến đổi của cảnh quan. Nhật ký thực địa được ghi lại, sử dụng để đối chiếu bối cảnh quan sát và phỏng vấn, đồng thời hỗ trợ quá trình phản tư của nhà nghiên cứu. Bản Bó thuộc tổ 4, phường Chiềng An, là cộng đồng cư trú lâu đời của người Thái Đen ở khu vực ven trung tâm thành phố Sơn La. Theo tài liệu địa phương<sup>2</sup>, bản được hình thành từ khoảng thế kỷ XVI, hiện có gần 360 hộ với khoảng 1.527 nhân khẩu, người Thái Đen chiếm hơn 90% dân số; bên cạnh một số hộ người Kinh, Mường, Khơ-mú.

## 3. Nội dung nghiên cứu

### 3.1. Cơ sở lý luận

#### 3.1.1. Từ không gian cư trú đến cảnh quan văn hóa

Trong nhân học và địa lý nhân văn, cách tiếp cận không gian đã chuyển từ việc xem không gian như một thực thể địa lý sang nhận diện nó như sản phẩm của quá trình văn hóa, xã hội. Carl O. Sauer (1925/1963) là một trong những người đặt nền tảng cho cách tiếp cận cảnh quan văn hóa khi nhấn mạnh vai trò của con người trong việc biến đổi cảnh quan tự nhiên thành cảnh quan văn hóa. Yi-Fu Tuan (1977) cho rằng không gian chỉ trở thành nơi chốn khi được con người trải nghiệm, gắn bó, trao cho những ý nghĩa nhất định. Với khái niệm *dwelling*, Ingold T., (2000) tiếp tục nhấn mạnh rằng thế giới sống được hình thành thông qua quá trình con người lao động, di chuyển, cư trú và tương tác với môi trường. Theo hướng này, cư trú không chỉ là việc chiếm lĩnh một không gian vật chất mà là quá trình con người đồng thời sống, kiến tạo thế giới của mình.

Low và Lawrence-Zúñiga (2003) mở rộng phân tích không gian sang các thực hành xã hội, ký ức và quan hệ cộng đồng. Sự chuyển dịch trên được thể chế hóa rõ hơn trong lĩnh vực di sản khi UNESCO công nhận cảnh quan văn hóa là một loại hình Di sản Thế giới, nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và môi trường trong quá trình hình thành cảnh quan. Singh và cộng sự (2023) nhấn mạnh tính động của cảnh quan và quá trình *placemaking*, theo đó nơi chốn được tạo lập thông qua sự tương tác liên tục giữa môi trường, ký ức, thực hành xã hội, v.v. Cảnh quan vì thế không phải một thực thể tĩnh được bảo tồn nguyên trạng mà là một không gian sống liên tục được tái tạo.

Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với nghiên cứu không gian sống của người Thái. Nguồn tài liệu thứ cấp (Lâm Minh Châu, 2007); (Nguyễn Ngọc Thanh, 2020); (Cầm Trọng, 1978) và thực địa cho thấy việc lựa chọn nơi cư trú, nương phai và các không gian sản xuất của người Thái gắn với những nguyên tắc sinh thái và xã hội được tích lũy qua nhiều thế hệ. Trong bài viết này, cảnh quan văn hóa được hiểu như một quá trình kiến tạo không gian sống, nơi mà các thành tố môi trường tự nhiên, kiến trúc, tổ chức xã hội, thực hành văn hóa, v.v có quan hệ hữu cơ với nhau.

1) Nguồn tài liệu được thu thập trong quá trình tác giả hướng dẫn sinh viên thực hiện học phần *Thực tập Dân tộc học* vào tháng 7/2025, trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chấm dứt hoạt động của chính quyền cấp huyện, vì thế phản ánh đời sống cộng đồng trong một giai đoạn chuyển đổi hành chính có ý nghĩa đặc biệt.

2) Nguồn tài liệu địa phương được tham khảo, trích dẫn ở phần này: Khái quát lịch sử phát triển bản Bó (2010); Lịch sử Đảng bộ phường Chiềng An (2016).

### 3.1.2. Từ giá trị văn hóa đến nguồn lực văn hóa

Nếu tiếp cận cảnh quan văn hóa giúp bài viết giải thích không gian được hình thành như thế nào, thì khung phân tích vốn văn hóa của Throsby, (2011) giúp trả lời câu hỏi: vì sao những giá trị tích hợp trong không gian ấy có thể trở thành nguồn lực phát triển. Vốn văn hóa, theo Throsby bao gồm các tài sản hữu hình (công trình, địa điểm, cảnh quan) và các yếu tố phi vật thể (tri thức, các hình thức biểu đạt văn hóa,...), không chỉ chứa đựng giá trị văn hóa mà còn có thể tạo ra giá trị kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, giá trị kinh tế không thể thay thế toàn bộ giá trị văn hóa, bởi một tài sản văn hóa chỉ có thể tạo ra lợi ích lâu dài khi khả năng tái sản sinh những giá trị văn hóa gắn với nó được duy trì.

Bài viết xem cảnh quan văn hóa của người Thái Đen bản Bó như một hệ thống vốn văn hóa tích hợp các thành tố hữu hình và phi vật thể. Điều quan trọng là hai nhóm giá trị này không tồn tại độc lập với nhau. Nhà sàn có giá trị vì nó gắn với cách sống; nguồn nước có giá trị vì nó được cộng đồng sử dụng, quản lý, trao ý nghĩa; không gian sản xuất có giá trị không chỉ vì sản phẩm nó tạo ra mà còn vì những tri thức và quan hệ hợp tác gắn với quá trình canh tác của tộc người. Đây là cơ sở để bài viết phân tích những chuyển đổi của người Thái không chỉ theo tiêu chí “còn” hay “mất” các yếu tố truyền thống mà theo khả năng giá trị văn hóa được cộng đồng sử dụng và tái tạo.

## 3.2. Các thành tố không gian sống và cảnh quan văn hóa

### 3.2.1. Môi trường trong tổ chức không gian cư trú

Không gian cư trú của người Thái Đen bản Bó được hình thành qua quá trình tương tác lâu dài giữa cộng đồng với môi trường sinh thái. Địa hình, nguồn nước và khả năng tiếp cận đất sản xuất là những yếu tố quan trọng trong lựa chọn nơi ở, dựng nhà và tổ chức sinh kế. Trong đó, nước giữ vị trí đặc biệt. Theo người dân, “Bó” trong tiếng Thái có nghĩa là “mó nước”, gắn với quan niệm “nơi có nước, có đất bằng thì dựng bản”. Tên gọi địa danh vì thế đồng thời lưu giữ tri thức về điều kiện hình thành bản. Theo bà C.T.M: “*Từ khi lập lên cái bản này là đã có mó nước tự nhiên ở đây... Dân ở đâu cũng thế, tìm đến nguồn nước để sống, để canh tác*”. Nước vì thế vừa là điều kiện cư trú, vừa là cơ sở của sản xuất.

Hệ thống nước tự nhiên ở bản Bó gồm mó nước chính, các mó phụ, khe suối và mương dẫn, được cộng đồng khai thác linh hoạt theo địa hình, mùa vụ. Người dân thường chọn khu đất tương đối bằng phẳng, gần nguồn nước hoặc chân đồi để dựng nhà; tại những khu vực dốc như Lả Sảng và Huổi Luông, nhà được bố trí men theo sườn đồi nhằm thích ứng địa hình, hạn chế tác động của mưa lũ, sạt lở. Địa hình và nguồn nước đồng thời tạo ra khác biệt trong khả năng tiếp cận tài nguyên giữa các hộ gia đình: những hộ ở vị trí thấp có thể hình thành mô hình “nhà - ao - vườn”, các hộ ở nơi cao hơn phải khai thác nước từ khe suối, giếng hoặc hệ thống dẫn nước riêng.

Hiện nay, hệ thống nước phản ánh sự kết hợp giữa hạ tầng hiện đại và hệ sinh thái truyền thống. Bên cạnh nước máy, người dân vẫn sử dụng các mó nước tự nhiên ở xung quanh. Từ lời kể của ông L.V.Đ: “*Điều đầu tiên tôi để ý đến việc dựng nhà chính là cảnh quan và nguồn nước tự nhiên phải luôn chảy đều, dễ thoát nước*”, cho thấy người dân không chỉ quan tâm đến sự hiện diện của nguồn nước mà còn nắm bắt rõ tính ổn định của dòng chảy, khả năng thoát nước - một dạng tri thức địa phương được hình thành từ kinh nghiệm cư trú, thực hành sinh kế, như Vi Văn An (2017) đã chỉ ra. Nước còn mang ý nghĩa văn hóa tinh thần: “*Không ai cho phép xây nhà trên mó nước đâu, chúng tôi tin ở đó có thần linh cư ngụ...*” (phỏng vấn bà H.T.M). Việc không dựng nhà trên mó nước vừa có thể góp phần bảo vệ nguồn nước, vừa thể hiện mối quan hệ đạo đức giữa con người với môi trường tự nhiên.

Cùng với sự phát triển của thị trường, người dân ngày càng có xu hướng lựa chọn nơi ở gần trục đường giao thông. Tuy nhiên, sự thay đổi này không làm mất tri thức sinh thái truyền thống. Việc tiếp tục sử dụng mó nước, duy trì những giới hạn đối với nước cho thấy các thực hành cũ đã và đang được điều chỉnh. Do đó, cảnh quan cư trú ở bản Bó hiện nay được định hình bởi sự kết hợp giữa các tri thức về địa hình, nước, đất sản xuất với hạ tầng giao thông, nhu cầu mới về thị trường. Trong cấu trúc ấy, nước không chỉ là tài nguyên mà còn là tác nhân tổ chức, chỉ dấu quan trọng của biến đổi cảnh quan văn hóa.

### 3.2.2. Bản và lịch sử cư trú

Không gian cư trú của người Thái Đen bản Bó được tổ chức thành năm cụm dân cư; hình thành trong điều kiện địa hình, lịch sử khác nhau. Các cụm có sự khác biệt về mật độ cư trú, kiến trúc nhà ở, tổ chức sản xuất và quan hệ xã hội, điều này cho thấy “bản” không phải là một không gian đồng nhất mà là cấu trúc được hình thành qua nhiều lớp lịch sử cư trú.

Ở cụm trung tâm, có mật độ dân cư và đô thị hóa cao. Nhà sàn truyền thống được thay thế bằng nhà xây cấp bốn và nhà tầng; không gian vườn bị thu hẹp, trong khi đất sản xuất đã bị tách khỏi nơi ở. Tại vùng lồm Noong Lìn, mớ nước và ao hồ vẫn đóng vai trò quan trọng trong tổ chức nơi cư trú. Người dân có xu hướng phân bố quanh nguồn nước; duy trì tương đối gần nhà các không gian vườn, ruộng và khu chăn nuôi; điều này có nghĩa dù hình thức nhà ở đã thay đổi thì tư duy cư trú quanh nguồn nước vẫn được duy trì.

Cụm Noong Lồm biểu hiện một dạng cấu trúc khác. Từng là vùng trũng thường xuyên ngập úng, khu vực này dần được chuyển đổi khi một số hộ tiên phong, tiêu biểu là gia đình ông B.V.H (người Kinh) đã phát triển mô hình nuôi thủy sản (ba ba, cá, hồ câu),... Nhờ đó, không gian có giá trị sản xuất thấp trở thành một nguồn lực kinh tế mới. Tuy nhiên, quá trình này đã làm cho cảnh quan ở đây trở nên đa dạng, thiếu đồng nhất, với sự đan xen của nhiều loại hình nhà ở, vườn, chuồng trại, ao nuôi. Tại khu vực cao Huổi Luông, nhà ở chủ yếu phân bố dọc các triền núi, với vườn và chuồng trại liền kề. Nhà sàn truyền thống, nhà sàn cải biến và nhà xây cùng tồn tại. Vì vậy, sự biến đổi kiến trúc ở Huổi Luông không diễn ra đơn tuyến từ truyền thống sang hiện đại, mà thông qua nhiều hình thức điều chỉnh, tái sử dụng các yếu tố cũ.

Là Sắng lại phản ánh rõ dấu ấn của lịch sử giãn dân. Được hình thành năm 1993 trong khuôn khổ chính sách giãn bản và sáp nhập trở lại bản Bó năm 2019, khu dân cư này vẫn duy trì mức độ xã hội độc lập thông qua nhà văn hóa, nghĩa địa, các hoạt động cộng đồng. Điều này phản ánh ranh giới hành chính không hoàn toàn trùng khớp với ranh giới xã hội và văn hóa; lịch sử di dân đã tác động cách cộng đồng nhận diện và tổ chức không gian cư trú của mình. Sự biến đổi của nghĩa địa cũng phản ánh tác động của quy hoạch hiện đại đối với cảnh quan cư trú của người Thái bản Bó. Từ vị trí gần trung tâm bản, nghĩa địa được di dời về khu rừng thiêng ở cuối bản và thích ứng với địa hình sườn núi. Theo lời bác trưởng bản đây là “*một cuộc cách mạng*”, bởi sự thay đổi không những liên quan đến vị trí vật chất mà còn tác động đến mối quan hệ giữa không gian của người sống với người chết và tổ tiên.

Nhìn tổng thể, cấu trúc của bản Bó hiện nay là một không gian phân hóa và chồng lớp. Các yếu tố truyền thống không bị biến mất mà được duy trì, điều chỉnh và tái cấu trúc trong những điều kiện mới.

### 3.2.3. Nhà sàn và sinh kế trong việc tái cấu trúc không gian

Nhà sàn là biểu hiện rõ mối quan hệ giữa môi trường, cư trú và bản sắc của người Thái Đen ở bản Bó. Trong quan niệm của người Thái, nhà sàn không chỉ là nơi ở mà còn là dấu hiệu nhận diện tộc người, thể hiện qua thành ngữ “*hươn mĩ hạn, quăn mĩ xau*” (nhà có gác, sàn có cột), như lời ông L.V.Đ, “*người Thái đi đến đâu cũng dựng nhà sàn; nhìn thấy nhà sàn là nhận ra người Thái*”. Tuy nhiên, bản Bó hiện chỉ còn khoảng 25 nhà sàn truyền thống, phần lớn hộ gia đình đã chuyển sang nhà cấp bốn, nhà xây nhiều tầng do việc khan hiếm gỗ, nhu cầu tiện nghi và điều kiện kinh tế thay đổi. Đáng chú ý, một số gia đình vẫn giữ nhà sàn hoặc đã cải tạo thành không gian du lịch. Homestay T.Q là trường hợp tiêu biểu: hình thức nhà sàn gỗ, mái ngói và khâu cút được duy trì, trong khi công năng được chủ nhà điều chỉnh để phục vụ lưu trú, ăn uống. Việc kết hợp gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp và bê tông cho thấy sự thương lượng giữa duy trì đặc trưng kiến trúc, nhu cầu tiện nghi và điều kiện tài nguyên hữu hạn trong quá trình phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại địa phương (năm 2017). Do đó, sự suy giảm nhà sàn phản ánh trước hết sự biến đổi của điều kiện sống hơn là việc bị “mất văn hóa”.

Sinh kế cũng góp phần tái cấu trúc không gian sống. Ruộng nước vẫn có ý nghĩa đối với đời sống và lương thực của người dân, nhưng diện tích, hiệu quả kinh tế và lao động giảm khiến nhiều gia đình thu hẹp canh tác. Ở một số khu dân cư, đặc biệt là Là Sắng, cà phê, mận trở thành cây trồng hàng hóa quan trọng; các loại cây ăn quả cũng được trồng xen canh. Chăn nuôi vẫn được duy trì, trong khi các hình thức tương trợ như đổi công tiếp tục tồn tại, cho thấy kinh tế hàng hóa không loại bỏ hoàn toàn các hình thức quan hệ hợp tác truyền thống.

### **3.3. Không gian sống như nguồn lực phát triển**

#### **3.3.1. Sinh kế và du lịch cộng đồng**

Từ quan điểm nguồn lực văn hóa của Throsby (2011) cho thấy, không gian sống của người Thái Đen ở bản Bó có thể tạo ra giá trị kinh tế không phải nhờ từng yếu tố riêng lẻ mà là sự kết nối giữa cảnh quan, kiến trúc, tri thức và đời sống cộng đồng; nguồn nước, vườn, rừng, nhà sàn,... chỉ thực sự trở thành nguồn lực phát triển khi chúng tiếp tục là một phần trong đời sống thường nhật của người dân. Điều này được thể hiện rõ trong cách người dân địa phương nhìn nhận về giá trị của du lịch cộng đồng, như chia sẻ của bà Q.T.B: *“Khách đến không chỉ để ngủ nhà sàn, mà muốn biết người Thái mình sống thế nào, ăn gì, làm ruộng ra sao. Mình giữ được nếp sống thì khách mới thích quay lại”*. Từ góc nhìn này, một số hộ đã cải tạo nhà sàn để phát triển lưu trú, ẩm thực, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm. Đáng chú ý, đây không phải quá trình tạo dựng một “không gian du lịch” hoàn toàn mới mà là sự chuyển đổi công năng của chính không gian sống: nhà sàn vẫn là nơi chứa đựng ký ức, bản sắc, đồng thời trở thành tài sản có khả năng tạo thu nhập; cảnh quan nông nghiệp, ẩm thực và sinh hoạt cộng đồng cũng có thể trở thành nội dung trải nghiệm,... Sức hấp dẫn của du lịch cộng đồng không chỉ nằm ở việc lưu trú trong những công trình kiến trúc truyền thống, mà quan trọng là ở khả năng giúp du khách tiếp cận và trải nghiệm lối sống, những thực hành sinh hoạt, tri thức văn hóa của cộng đồng,... Nói cách khác, chính đời sống văn hóa của tộc người đang được thực hành làm nên giá trị, sức hấp dẫn của hoạt động du lịch.

Sự chuyển hóa tài sản văn hóa thành nguồn lực không diễn ra tự động. Trường hợp bản Bó chỉ rõ điều này, khi người dân nhận thức rằng giá trị kinh tế của du lịch phụ thuộc vào việc duy trì cảnh quan và nếp sống, lợi ích kinh tế có thể trở thành động lực cho bảo tồn. Ngược lại, nếu hoạt động du lịch tách khỏi đời sống cộng đồng và chỉ giữ lại các biểu tượng bề nổi thì quá trình thương mại hóa có thể làm suy giảm chính những giá trị tạo nên sức hấp dẫn của cảnh quan. Vì vậy, khả năng tạo sinh kế của cảnh quan phụ thuộc vào việc tiếp tục duy trì cảnh quan như một không gian sống, đây là điểm khác biệt giữa phát triển dựa trên vốn văn hóa và khai thác văn hóa đơn thuần.

#### **3.3.2. Giáo dục và tái tạo văn hóa**

Các nguồn tài liệu thực địa cho phép khẳng định không gian sống của người Thái ở bản Bó là một nguồn lực giáo dục đặc biệt. Hệ thống các tri thức địa phương về nguồn nước, canh tác, kiến trúc, sử dụng tài nguyên và tổ chức đời sống,... được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quan sát, tham gia và trải nghiệm trực tiếp trong chính những không gian nơi chúng được thực hành, như lời ông L.V.H: *“Muốn con cháu biết phong tục thì phải để chúng sống cùng bản, cùng làm việc với mọi người; chỉ nói thì chúng không nhớ, phải làm cùng mới hiểu”*.

Ở phạm vi rộng hơn, bản Bó còn trở thành không gian học tập, nghiên cứu thực địa đối với học sinh, sinh viên và các nhóm nghiên cứu. Việc trực tiếp quan sát cảnh quan tự nhiên, không gian sản xuất và các thực hành văn hóa của người Thái cho phép người học tiếp cận văn hóa như một hệ thống sống. Quan trọng hơn, quá trình này tạo ra sự trao đổi tri thức hai chiều: cộng đồng vừa là đối tượng nghiên cứu vừa là chủ thể diễn giải tri thức về chính không gian sống của mình. Cách nhìn này dẫn đến một quan niệm khác về bảo tồn - như trường hợp bản Bó, đó là không nhất thiết phải giữ nguyên hình thái của cảnh quan truyền thống, một nhà sàn được sửa chữa để đáp ứng nhu cầu mới, hệ thống nước tự nhiên kết hợp với hạ tầng hiện đại, hay một phương thức sản xuất truyền thống chuyển sang sản xuất hàng hóa vẫn có thể là một phần của quá trình bảo tồn nếu các giá trị cốt lõi của nó tiếp tục được cộng đồng thực hành, tái tạo. Như lời ông C.V.C khẳng định: *“Giữ bản không phải chỉ giữ nhà sàn, mà phải giữ cách sống của người Thái; còn người còn bản thì bản mới còn”*. Điều này có nghĩa, với cộng đồng đối tượng cần bảo tồn không chỉ là “vật thể văn hóa” mà là khả năng tiếp tục sống cùng những giá trị làm nên bản sắc văn hóa của người Thái.

Từ đó, bảo tồn và giáo dục có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi trẻ em và thế hệ trẻ tham gia vào sản xuất, vào các hoạt động cộng đồng và đời sống bản làng, v.v tri thức không chỉ được trao truyền mà còn liên tục được tái tạo.

#### **3.3.3. Phát triển địa phương trong bối cảnh mới**

Một phương diện khác của nguồn lực cảnh quan văn hóa là khả năng đóng góp vào phát triển địa phương.

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, giao thông thủy lợi được cải thiện, khu dân cư được chỉnh trang, nhà văn hóa được tu sửa và môi trường sống được quan tâm hơn (Nguyễn Hạnh, 2021). Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa này đồng thời tạo ra sức ép đối với kiến trúc, vật liệu xây dựng và hình thái cảnh quan truyền thống.

Tài liệu thực địa cho thấy vốn xã hội của người Thái vẫn đóng vai trò quan trọng, việc làm đường, vệ sinh môi trường, tu sửa nương phai hay xây dựng công trình chung có sự tham gia của người dân thông qua đóng góp ngày công, vật chất và cơ chế phối hợp cộng đồng. Theo lời ông Q.V.H: “*Muốn bản đẹp thì mọi nhà cùng làm, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần, còn mình phải cùng nhau giữ gìn thì mới lâu dài*”, thì việc xây dựng nông thôn mới không chỉ dựa vào đầu tư từ bên ngoài mà còn dựa trên năng lực tự tổ chức, huy động nguồn lực tại chỗ.

Từ góc độ này, không gian sống có thể được xem là nguồn lực nội sinh của phát triển địa phương. Nhà sàn, cảnh quan bản làng, tri thức địa phương và thực hành cộng đồng,.... vừa là đối tượng cần duy trì, vừa tạo nền tảng cho du lịch, giáo dục trải nghiệm, sinh kế, gắn kết xã hội. Tuy nhiên, phát triển hạ tầng cũng tạo ra nghịch lý; việc mở rộng đường giao thông, xây dựng nhà ở kiên cố, thay đổi vật liệu xây dựng có thể nâng cao điều kiện sống của người dân địa phương nhưng đồng thời làm suy giảm những đặc trưng tạo nên bản sắc bản làng của người Thái. Do đó, xây dựng nông thôn mới ở bản Bó cần được đánh giá không chỉ dựa trên hạ tầng và thu nhập mà còn bằng khả năng duy trì cảnh quan văn hóa, tri thức địa phương, năng lực chủ thể của cộng đồng.

#### 4. Kết luận

Từ việc kết hợp cách tiếp cận cảnh quan văn hóa với khung phân tích vốn văn hóa, nghiên cứu nhận diện không gian sống của người Thái Đen ở bản Bó như một hệ thống vốn văn hóa tích hợp, gồm tài sản hữu hình và phi vật thể. Các thành tố này liên kết với nhau, tạo khả năng sản sinh nhiều lớp giá trị văn hóa, xã hội, sinh thái và kinh tế. Trường hợp này đồng thời cho thấy giá trị văn hóa chỉ trở thành nguồn lực khi được cộng đồng nhận diện, duy trì và huy động vào các thực hành cụ thể. Nguồn lực vì thế không nằm ở từng yếu tố riêng lẻ mà ở khả năng kết nối, chuyển hóa các giá trị trong toàn bộ hệ thống cảnh quan văn hóa. Tuy nhiên, quá trình chuyển hóa này luôn chứa đựng những nghịch lý. Du lịch có thể tạo sinh kế nhưng làm thay đổi công năng nhà sàn; hạ tầng có thể cải thiện khả năng tiếp cận nhưng tác động đến tính toàn vẹn của cảnh quan; chuyển đổi sinh kế có thể tăng thu nhập nhưng làm gián đoạn tri thức văn hoá truyền thống. Phát triển dựa trên vốn văn hóa không thể chỉ được đánh giá qua lợi ích kinh tế trước mắt mà phải tính đến khả năng duy trì và tái sản sinh các giá trị văn hóa và xã hội trong dài hạn. Từ trường hợp bản Bó, nghiên cứu cho rằng bảo tồn và phát triển cần được nhìn nhận như hai quá trình hỗ trợ lẫn nhau, bảo tồn không nên hướng tới việc đóng băng cảnh quan mà cần duy trì khả năng để cộng đồng tiếp tục thực hành, tái tạo những giá trị của không gian sống trong điều kiện mới.

#### Tài liệu tham khảo

- Cầm Trọng (1978). *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội.
- Ingold T. (2000). *The Perception of the Environment: Essays in Livelihood, Dwelling and Skill*. London: Routledge.
- Lâm Minh Châu (2007). Tri thức địa phương của người Thái về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên (Nghiên cứu trường hợp ở xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La). *Tạp chí Dân tộc học*, số 5 (149), tr. 65-73.
- Low, Setha M & Lawrence-Zúñiga. (2003). *The Anthropology of Space and Place: Locating Culture*. Blackwell Publishing.
- Nguyễn Hạnh (2021). *Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Phù hợp điều kiện từng vùng miền*. <https://congthuong.vn/xay-dung-nong-thon-moi-giai-doan-2021-2025-phu-hop-dieu-kien-tung-vung-mien-166997.html>.
- Nguyễn Ngọc Thanh (2020). Tổ chức bản của một số tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 4, tr. 36-43.
- Nguyễn Khắc Tụng (1994). *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Rana PB Singh, Olimpia Niglio, and Pravin S Rana. (2023). Interfaces among Placemaking and Cultural Landscapes: Review and Appraisal. In: Singh, Rana PB et al. (eds.). *Placemaking and Cultural Landscapes* (pp.3-21, chapter 1), [https://doi.org/10.1007/978-981-19-6274-5\\_1](https://doi.org/10.1007/978-981-19-6274-5_1).
- Sauer, Carl O. (1925/1963). The Morphology of Landscape. *Publications in Geography*, 22: pp. 19-53. Reprinted in John Leighly, ed, *Land and Life, A Selection from the Writings of Carl O. Sauer* (pp.315-350). University of California Press, Berkeley & Los Angeles.
- Throsby D. (2011). *Economics and Culture*. Cambridge University Press.
- Tuan, Yi-Fu. (1977). *Space and Place: The Perspective of Experience*. Minneapolis: University of Minnesota Press.
- UNESCO. (1992). *Cultural landscapes*. <https://whc.unesco.org/en/culturallandscape/> (accessed June 2026).
- Vĩ Văn An (2017). *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*. NXB Thế giới.